

Bản án số: 22/2023/DS-ST.

Ngày: 22 - 05 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Huỳnh Ngọc Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 304/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T N

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2, Tòa T – 111A P, phường N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc trung tâm quản lý nợ ngân hàng bán lẻ (theo văn bản ủy quyền số 27869.20 ngày 04/01/2022)

Người được ủy quyền lại: Ông Danh Hoài H1, sinh năm 1991, Cán bộ ngân hàng TMCP T N. (theo văn bản ủy quyền số 143927.22 ngày 28/12/2022). (Có mặt)

Địa chỉ: Số 243 đường P, phường V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Bà Trần Thị Băng Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 79/11 đường C, phường T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/08/2021 và bản tự khai của Ngân hàng TMCP T N; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Danh Hoài H1 trình bày:*

- Ngân hàng TMCP T N (VIB) và ông Trần Văn T1, bà Trần Thị Băng Đ có ký các Hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng mua xe ô tô số 1611788.19 ngày 06/08/2019 với nội dung: VIB cho ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ vay số tiền 434.000.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng*); Mục đích vay: bổ sung vốn mua xe ô tô tiêu dùng nhãn hiệu TOYOTA VIOS G, biển số 68A-137.22 theo hợp đồng mua bán số 2557/HĐMB-TNK/19 do bà Trần Thị Băng Đ đứng tên chủ sở hữu xe; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,4%/năm là lãi suất ưu đãi chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, khi hết thời hạn lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả khoản tín dụng gốc: Vào ngày 05 hàng tháng. Trả trong 96 tháng, số tiền gốc trả mỗi tháng trong 95 tháng đầu là 4.520.000 đồng, tháng cuối là 4.600.000 đồng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/09/2019. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Ngày trả lãi: Trả vào ngày 05 hàng tháng; Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ.

Ngày 06/08/2019, VIB đã giải ngân cho ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ 1611788(1).19 với số tiền 434.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

Khi vay tiền ông T1 và bà Đ có thể chấp tài sản đảm bảo nợ vay theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 8332354.19 ngày 06/08/2019: Giấy phép đăng ký xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G, biển số 68A-137.22 do bà Trần Thị Băng Đ đứng tên chủ sở hữu.

+ Ngày 10/06/2019 ông Trần Văn T1 có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, VIB đã phát hành Thẻ tín dụng cho khách hàng ông Trần Văn T1; loại thẻ: VIB Financial Free, mục đích vay: tiêu dùng; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; lãi suất, biểu phí lãi suất theo từng thời kỳ: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ tín dụng VIB. Sau khi được cấp Thẻ ông T1 đã giao dịch lần cuối vào tháng 04/2021.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị

Bằng Đ đã thanh toán đến ngày 06/12/2021 với tổng số tiền gốc và lãi là 230.049.499 đồng, sau đó thì ông bà không thanh toán nữa nên ngày 06/04/2022 VIB đã chuyển khoản vay của Khách hàng sang nợ quá hạn. Từ đó cho thấy, ông T1 và bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nên Ngân hàng khởi kiện.

Tính đến ngày 22/05/2023 anh Trần Văn T1 và chị Trần Thị Bằng Đ còn nợ hợp đồng tín dụng số 1611788.19 là: Nợ gốc 302.920.000 đồng, tiền lãi 7.295.809 đồng, tiền lãi quá hạn 64.799.236 đồng và dư nợ Thẻ gốc 43.541.563 đồng, lãi 29.940.573 đồng, phí thẻ 91.400.083 đồng. Tổng cộng 539.897.264 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*).

Nay Ngân hàng TMCP T N yêu cầu anh Trần Văn T1 và chị Trần Thị Bằng Đ thanh toán tổng số tiền còn nợ gốc và lãi tạm tính đến 22/05/2023 là 539.897.264 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*). Trong đó, tiền gốc 302.920.000 đồng, tiền lãi 7.295.809 đồng, tiền lãi quá hạn 64.799.236 đồng và dư nợ Thẻ gốc 43.541.563 đồng, lãi 29.940.573 đồng, phí thẻ 91.400.083 đồng và yêu cầu tính lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

Tại phiên tòa, Đại diện nguyên đơn yêu cầu:

Buộc ông T1, bà Đ tiếp tục thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/05/2023 là 539.897.264 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*). Trong đó, tiền gốc 302.920.000 đồng, tiền lãi 7.295.809 đồng, tiền lãi quá hạn 64.799.236 đồng và dư nợ Thẻ gốc 43.541.563 đồng, lãi 29.940.573 đồng, phí thẻ 91.400.083 đồng và yêu cầu tính lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Bằng Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định nhưng ông T1 và bà Đ vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Bằng Đ vắng mặt nên vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T N đối với bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ về khoản nợ theo hợp đồng 1611788.19 ngày 06/08/2019 đối với số tiền còn nợ mua xe ô tô số tiền gốc và lãi là 375.015.045 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng*) và lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

Đối với khoản nợ Thẻ tín dụng, ngoài khoản nợ gốc và lãi, VIB còn yêu cầu đối với tiền phí thẻ gồm các loại phí như phí thường niên, phí quản lý, phí rút tiền, phí thanh toán trễ hạn, phí vượt hạn mức... Trong đó phí thanh toán trễ hạn là 6%/số tiền chậm thanh toán/tháng, tối đa là 02 triệu đồng/tháng; phí vượt hạn mức là 4,5%/số tiền vượt hạn mức/tháng. Nhận thấy, phí vượt hạn mức trong bản sao kê do VIB cung cấp được tính từ khi ông Đ không thanh toán hết số nợ của kỳ sao kê trước (vi phạm nghĩa vụ thanh toán) và bị chuyển dư nợ sang kỳ sau. Như vậy, đối với vi phạm về việc không thanh toán đúng hạn, ông Đ vừa phải chịu phí thanh toán trễ hạn, vừa phải chịu phí vượt hạn mức là trường hợp phí chồng phí, chưa đảm bảo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP. Do đó, yêu cầu về khoản nợ thẻ tín dụng của VIB có cơ sở chấp nhận một phần, không chấp nhận đối với số tiền phí vượt hạn mức như đã phân tích trên.

Đối với tài sản thế chấp, do nguyên đơn không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP T N tại Tòa án. Mặc dù, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cũng như đăng tin Báo Công lý và Đài truyền hình Việt Nam tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú nhưng ông T1 và bà Đ cố tình tránh mặt. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Danh Hoài H1 yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn ông T1, bà Đ theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông T1, bà Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP T N khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay gốc, lãi tạm tính

đến ngày 22/05/2023 là 539.897.264 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*) và yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và quá trình giải quyết vụ án ông T1 và bà Đ có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Ông T1 và bà Đ có ký hợp đồng tín dụng mua xe ô tô số 1611788.19 ngày 06/08/2019 vay số tiền gốc 434.000.000 đồng (*Bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng*); Mục đích vay: bổ sung vốn mua xe ô tô tiêu dùng nhãn hiệu TOYOTA VIOS G, biển số 68A-137.22 theo hợp đồng mua bán số 2557/HĐMB-TNK/19 do bà Trần Thị Băng Đ đứng tên chủ sở hữu xe; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,4%/năm là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, khi hết thời hạn lãi suất này sẽ được VIB chủ động điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1 %/năm; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngoài ra, ngày 10/06/2019 ông Trần Văn T1 có đơn Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản và được cấp Thẻ tín dụng VIB Financial Free, mục đích vay: tiêu dùng; Hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng; lãi suất, biểu phí lãi suất theo từng thời kỳ: theo Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng VIB. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T1 và bà Đ đã vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc và lãi. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay ngày 22/05/2023 ông T1 và bà Đ còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 539.897.264 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng*). Trong đó, tiền gốc 302.920.000 đồng, tiền lãi 7.295.809 đồng, tiền lãi quá hạn 64.799.236 đồng và dư nợ Thẻ gốc 43.541.563 đồng, lãi 29.940.573 đồng, phí thẻ 91.400.083 đồng và yêu cầu tính lãi suất phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

[4] Xét giao dịch dân sự giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP T N với bị đơn ông T1 và bà Đ đối với hợp đồng tín dụng mua xe ô tô số 1611788.19 ngày 06/08/2019 được xác lập trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các bên đương sự đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của các bên, không bị lừa dối hay cưỡng ép, không trái đạo đức xã hội; Do đó, Hội đồng xét xử nhận định giao dịch dân sự nêu trên là hợp pháp.

Xét thấy, các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng tín dụng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, ông T1 và bà Đ đã được nhận đủ tiền vay theo hợp đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông T1 và bà Đ

không thanh toán khi đến kỳ hạn trả gốc, lãi là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn ông T1 và bà Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến trình bày tại Tòa án. Tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó" nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông T1 và bà Đ vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đại diện nguyên đơn cho thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP T N với bị đơn ông T1 và bà Đ là hoàn toàn có thật và bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận. Do đó, đối chiếu quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ để chấp nhận.

Xét thấy hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 10/06/2019 cũng như các khoản lãi, suất, biểu phí lãi suất theo từng thời kỳ ký theo bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng Thẻ đã được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, ông T1 đã sử dụng Thẻ tín dụng giao dịch hết hạn mức được cấp và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng Điều 471, 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức, tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019; Điều 13, Khoản 5 Điều 14, Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Điều 5 Thông tư số 03/2020/VBHN-NHNN ngày 17/01/2020, thì bị đơn anh T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T N số tiền vay gốc, lãi và các loại phí phát sinh theo thỏa thuận đã ký giữa Ngân hàng với ông T1 tính đến ngày 22/05/2023 là 164.882.219 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng*) là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bà Đ cùng chịu trách nhiệm trả nợ đối với số tiền còn nợ Thẻ là 164.882.219 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, đối với Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản Thẻ tín dụng VIB Financial Free là cấp cho cá nhân ông T1 không có xác định bà Đ là người liên đới chịu trách nhiệm và xác nhận của bà Đ về khoản vay này, do đó yêu cầu của Ngân hàng không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, trong nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T N. Buộc bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ thanh toán cho Ngân hàng TMCP

T N số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/05/2023 tổng cộng là 375.015.045 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng*). Trong đó, tiền gốc 302.920.000 đồng, tiền lãi 7.295.809 đồng, tiền lãi quá hạn 64.799.236 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ. Ngoài ra, ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T N số tiền nợ Thẻ VIB Financial Free là tiền gốc 43.541.563 đồng, tiền lãi 29.940.573 đồng, phí thẻ 91.400.083 đồng. Tổng cộng 164.882.219 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng*) và yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP T N về việc yêu cầu bà Trần Thị Băng Đ cùng ông T1 trả nợ Thẻ VIB Financial Free.

Đối với hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị/phương tiện vận tải số 8332354.19 ngày 06/08/2019 để đảm bảo khoản nợ vay là: Giấy phép đăng ký xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS G, biển số 68A-137.22 do chị Trần Thị Băng Đ đứng tên chủ sở hữu, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 375.015.045 đồng $\times 5\% = 18.750.752$ đồng (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng*);

Ngoài ra, ông Trần Văn T1 còn phải chịu án phí trên số tiền phải trả là 164.882.219 đồng $\times 5\% = 8.244.110$ đồng (*Tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm mười đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T N toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phí vượt hạn mức, xét thấy chưa phù hợp như phần nhận định ở trên nên không ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều: 463, 465, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ.

Buộc ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T N tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/05/2022 là 375.015.045 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm triệu không trăm mười lăm nghìn không trăm bốn mươi lăm đồng*). Trong đó, tiền gốc 302.920.000 đồng, tiền lãi 7.295.809 đồng, tiền lãi quá hạn 64.799.236 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh tiếp theo từ ngày 23/05/2023 theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ.

Buộc ông Trần Văn T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP T N đối với nợ Thẻ VIB Financial Free số tiền gốc là 43.541.563 đồng, lãi 29.940.573 đồng, phí thẻ 91.400.083 đồng. Tổng cộng 164.882.219 đồng (*Một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm tám mươi hai nghìn hai trăm mười chín đồng*) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 23/05/2023 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ.

Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP T N về việc yêu cầu bà Trần Thị Băng Đ cùng ông T1 trả nợ Thẻ VIB Financial Free.

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị Băng Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.750.752 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng*). Ngoài ra, ông Trần Văn T1 còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.244.110 đồng (*Tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn một năm mươi đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP T N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.450.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0004783 ngày 25/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh